



AAT SERVICES CO., LTD.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT  
AUDITING, ACCOUNTING AND TAX ADVISORY SERVICES COMPANY LIMITED**

**Trụ sở chính:**

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thúy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: [info@aat.com.vn](mailto:info@aat.com.vn) - Website: <http://www.aat.com.vn> - Tax Code: 0102283607

**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:**

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center, Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189 - Email: [aat-hcm@aat.com.vn](mailto:aat-hcm@aat.com.vn)

**NỘI DUNG**

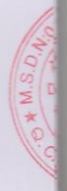
	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	34
Báo cáo kiểm toán	54
Báo cáo tài chính	70
Bảng cân đối kế toán	74

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (sau đây gọi tắt là "Công ty") xin báo cáo nội dung Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty như sau và chính thức theo ngày 31/12/2012.

### NỘI DUNG

	Trang
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	3-4
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	5-6
<b>Báo cáo Tài chính</b>	7-26
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-26

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2012 đạt 1.331.196.244 VNĐ.

Lợi nhuận sau thuế của công ty năm 2011 đạt 1.571.316.719 VNĐ.

### CÁC VỤ KIỂM SÁT NGAY KHIÒA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán nội bộ của Công ty đã tiến hành kiểm tra và lập Báo cáo tài chính đúng hạn theo quy định pháp luật.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 theo đúng quy định pháp luật.

### ĐẠI BIỂU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (miền nhiệm ngày 21/01/2012)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (nhậm nhiệm ngày 20/01/2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (miền nhiệm ngày 12/01/2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch (nhậm nhiệm ngày 12/01/2013)
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 38/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 215/UBCK-GP ngày 18/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho công ty rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán; Giấy phép sửa đổi số 372/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 16/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2011 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico và thay đổi trụ sở chính đến số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Giấy phép điều chỉnh số 111/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi trụ sở chính đến số 15, lô B, Khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty: Số 15, lô B, khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 là 1.551.196.244 VND.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm ngày 31/12/2014 là (6.701.016.739) VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Ngọc Dương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 20/01/2015)
Ông Đinh Ngọc Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 20/01/2015)
Ông Nguyễn Văn Thọ	Thành viên
Ông Vũ Thành Huy	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Dương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/01/2015)
Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/01/2015)
Ông Nguyễn Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thành Huy	Phó Tổng Giám đốc

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

## CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015  
TM. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Dũng



Số: 49 /2015/BCKT-TC/AAT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico được lập ngày 10 tháng 03 năm 2015, được trình bày từ trang 07 đến trang 26 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.3, Công ty đã không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này, mức trích lập dự phòng cần phải trích lập theo tính toán của Kiểm toán viên là 7.269.465.085 VND. Do đó làm giảm khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi và tăng lợi nhuận trong năm một khoản tương ứng.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính số V.8, Công ty đã không trích khấu hao tài sản cố định hữu hình không phục vụ sản xuất kinh doanh, số tiền là 25.828.896 VND. Do đó làm giảm giá trị hao mòn lũy kế và tăng lợi nhuận trong năm một khoản tương ứng.

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2015

#### CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT

Giám đốc



**Dương Thị Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0162-2013-141-1

Kiểm toán viên

**Trần Thanh Phương**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1616-2013-141-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.389.640.197</b>	<b>10.530.984.817</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>5.249.800.964</b>	<b>747.439.344</b>
111	1. Tiền	V.01	5.249.800.964	747.439.344
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02	-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.733.119.233</b>	<b>9.768.719.233</b>
131	1. Phải thu khách hàng		17.750.000	53.350.000
132	2. Trả trước cho người bán		2.273.495.450	2.273.495.450
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
138	5. Các khoản phải thu khác	V.03	7.441.873.783	7.441.873.783
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		-	-
141	1. Hàng tồn kho	V.04	-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>406.720.000</b>	<b>14.826.240</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	8.106.240
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05	6.720.000	6.720.000
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		400.000.000	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.013.150.934</b>	<b>3.961.320.999</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ	V.06	-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	V.07	-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.007.118.177</b>	<b>1.007.118.177</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	1.007.118.177	1.007.118.177
222	- Nguyên giá		1.672.803.376	1.672.803.376
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(665.685.199)	(665.685.199)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	-	-
228	- Nguyên giá		176.000.000	176.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.000.000)	(176.000.000)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	-	-
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.12	-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.14	-	<b>2.645.300.000</b>
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	2.807.321.181
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(162.021.181)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.032.757</b>	<b>308.902.822</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.15	-	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.22	-	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		11.000	11.000
268	4. Tài sản dài hạn khác		6.021.757	308.891.822
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>16.402.791.131</b>	<b>14.492.305.816</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.103.807.870</b>	<b>882.639.980</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.103.807.870</b>	<b>882.639.980</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.16	424.200.000	424.200.000
312	2. Phải trả người bán		26.842.729	21.660.000
313	3. Người mua trả tiền trước		97.500.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	96.508.353	98.373.192
315	5. Phải trả người lao động		-	-
316	6. Chi phí phải trả	V.18	-	-
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.19	458.756.788	338.406.788
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		-	-
321	10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi cổ phiếu		-	-
322	11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		-	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
327	13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
329	15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	-
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	V.20	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.21	-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.22	-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.34	-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
359	10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>15.298.983.261</b>	<b>13.609.665.836</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>15.298.983.261</b>	<b>13.609.665.836</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.701.016.739)	(8.390.334.164)
430	<b>II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>16.402.791.131</b>	<b>14.492.305.816</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

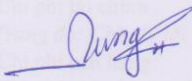
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
001	1. Tài sản thuê ngoài		-	-
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
003	3. Tài sản nhận ký cược		-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
005	5. Ngoại tệ các loại		-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký		-	-
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		-	-
082	8. Chứng khoán lưu ký của khách		-	-
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		-	-
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá		-	-

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Hoàng Kim Dung

Nguyễn Thị Kim Thoa

Đinh Ngọc Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	143.587.877	292.959.233
	Trong đó		-	-
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		119.636.363	292.636.000
01.9	- Doanh thu khác		23.951.514	323.233
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.27	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	VI.28	143.587.877	292.959.233
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	VI.29	181.326.160	179.285.455
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(37.738.283)	113.673.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.30	-	10.637
22	7. Chi phí tài chính	VI.31	-	1.140.674.615
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay			
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		485.328.847	797.302.413
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(523.067.130)	(1.824.292.613)
31	8. Thu nhập khác		2.100.824.554	21.655.711
32	9. Chi phí khác		26.561.180	12.897.764
40	10. Lợi nhuận khác		2.074.263.374	8.757.947
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.551.196.244	(1.815.534.666)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.32	-	-
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.33	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.551.196.244</u>	<u>(1.815.534.666)</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.23	705	(825)

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Hoàng Kim Dung

Phụ trách kế toán

Nguyễn Thị Kim Thoa

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

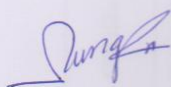
Mã số	Chỉ tiêu	TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		167.256.665	417.700.000
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh			(64.093.410)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán			
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng			
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng			
08	6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành			
09	7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán			
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ			
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(206.343.408)	(384.267.000)
12	10. Tiền chi trả lãi vay			
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	
14	12. Tiền thu khác			21.665.711
15	13. Tiền chi khác		(51.051.637)	(421.869.929)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(90.138.380)</b>	<b>(430.864.628)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			(1.116.466.968)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.592.500.000	2.347.510.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>4.592.500.000</b>	<b>1.231.043.032</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(170.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>(170.000.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>4.502.361.620</b>	<b>630.178.404</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>747.439.344</b>	<b>117.260.940</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>5.249.800.964</b>	<b>747.439.344</b>

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

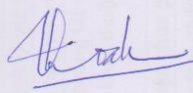
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Hoàng Kim Dung



Nguyễn Thị Kim Thoa



Đinh Ngọc Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 phố B, KĐT M Hoàng Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		22.000.000.000	22.000.000.000					22.000.000.000	22.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ									
4. Cổ phiếu quỹ									
5. Chênh lệch đánh giá tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu									
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(6.574.799.498)	(8.390.334.164)	-	(1.815.534.666)	1.689.317.425	-	(8.390.334.164)	(6.701.016.739)
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước		(6.574.799.498)	(8.390.334.164)		(1.815.534.666)			(8.390.334.164)	(8.390.334.164)
Lợi nhuận chưa phân phối năm nay						1.689.317.425		(8.390.334.164)	1.689.317.425
<b>Cộng</b>		<b>15.425.200.502</b>	<b>13.609.665.836</b>		<b>(1.815.534.666)</b>	<b>1.689.317.425</b>	<b>-</b>	<b>13.609.665.836</b>	<b>15.298.983.261</b>

Người lập biểu

*Hoàng Kim Dung*

Hoàng Kim Dung

Phụ trách kế toán

*Nguyễn Thị Kim Thoa*

Nguyễn Thị Kim Thoa

12

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Dũng

HÀ  
T  
Y  
C  
O  
P  
H  
A  
N  
C  
H  
Ứ  
NG  
K  
H  
O  
Á  
N  
H  
A  
M  
I  
C  
O

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh, dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015026 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/03/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 38/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 215/UBCK-GP ngày 18/03/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho công ty rút bớt nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán; Giấy phép sửa đổi số 372/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23/11/2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty; Giấy phép điều chỉnh số 16/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2011 về việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico và thay đổi trụ sở chính đến số 7, ngõ 2, đường 80, tổ 80, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Giấy phép điều chỉnh số 111/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 9 năm 2012 về việc thay đổi trụ sở chính đến số 15, lô B, khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 22.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty: Số 15, lô B, khu đô thị mới Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Tư vấn tài chính và Đầu tư chứng khoán.

### II. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại Công ty có mở tài khoản công bố vào ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao trích theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính Việt Nam. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6-25 năm
- Máy móc, thiết bị	6- 8 năm
- Phương tiện vận tải	6-10 năm
- Thiết bị văn phòng	3-5 năm

**4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư****5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "các khoản tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư cổ phiếu và góp vốn dài hạn được kế toán theo nguyên tắc giá gốc. Tại thời điểm 31/12/2014, việc xem xét trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này được dựa trên cơ sở tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhận góp vốn.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**13. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

**14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

*a) Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

*b) Lập dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành; Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

#### 15. Công cụ tài chính

##### a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

##### b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

#### 16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

##### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

##### Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở tỉnh Hà Nam, Nam Định và thành phố Hà Nội.

380  
ĐN  
NH  
JU  
TC  
VÁN  
A  
4Y

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 Lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Tiền</i>	<i>5.249.800.964</i>	<i>747.439.344</i>
Tiền mặt tại quỹ	5.136.220.688	681.704.582
Tiền gửi ngân hàng	113.580.276	65.734.762
<b>Cộng</b>	<b>5.249.800.964</b>	<b>747.439.344</b>

2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

3 . Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh	172.408.698	172.408.698
Phải thu khác (*)	7.269.465.085	7.269.465.085
<b>Cộng</b>	<b>7.441.873.783</b>	<b>7.441.873.783</b>

(\*) Khoản này phát sinh từ hợp đồng mua bán chứng khoán chưa niêm yết năm 2008 với Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh. Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Anh hoàn trả lại toàn bộ số cổ phiếu chưa niêm yết cho ông Chu Hoàng Anh và ông Phạm Chung Anh vì đến thời điểm hiện tại chưa đầy đủ giấy tờ pháp lý. Trong năm 2013 ông Chu Hoàng Anh, ông Phạm Chung Anh, ông Đàm Quốc Hùng đã chuyển nhượng cổ phần của mình cho các cổ đông khác kèm theo khoản nợ trên.

Tại thời điểm ngày 31/12/2014, Công ty không tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.

4 . Hàng tồn kho

5 . Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.720.000	6.720.000
<b>Cộng</b>	<b>6.720.000</b>	<b>6.720.000</b>

6 . Phải thu nội bộ

7 . Phải thu dài hạn khác

8 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Má y móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	1.672.803.376	-	-	-	1.672.803.376
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.672.803.376	-	-	-	1.672.803.376
<b>II. Giá trị HM lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	665.685.199	-	-	-	665.685.199
2. Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	665.685.199	-	-	-	665.685.199
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Đầu năm	1.007.118.177	-	-	-	1.007.118.177
2. Cuối năm	1.007.118.177	-	-	-	1.007.118.177

Trong kỳ, Công ty đã không trích khấu hao tài sản cố định không phục vụ sản xuất kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

## 9 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

## 10 . Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số dư đầu năm	176.000.000		176.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm	176.000.000	-	176.000.000
<b>II. Giá trị đã hao mòn lũy kế</b>			
1. Số dư đầu năm	176.000.000		176.000.000
2. Số tăng trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Giảm khác			
4. Số dư cuối năm	176.000.000	-	176.000.000
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Đầu năm	-	-	-
2. Cuối năm	-	-	-

## 11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

## 12 . Tăng, giảm bất động sản đầu tư

## 13 . Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

## 14 . Tình hình đầu tư tài chính

## 15 . Chi phí trả trước dài hạn

## 16 . Vay ngắn hạn

	Lãi suất vay	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay cá nhân Ông Nguyễn Xuân Mai		424.200.000	-	-	424.200.000
	0%	424.200.000			424.200.000
<b>Cộng</b>		<b>424.200.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>424.200.000</b>

## 17 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế GTGT đầu ra	37.268.085	39.132.924
Thuế thu nhập cá nhân	59.240.268	59.240.268
<b>Cộng</b>	<b>96.508.353</b>	<b>98.373.192</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 18 . Chi phí phải trả

## 19 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội	167.751.000	73.008.000
Bảo hiểm thất nghiệp	13.943.000	6.084.000
Bảo hiểm y tế	31.437.000	13.689.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	245.625.788	245.625.788
<b>Cộng</b>	<b>458.756.788</b>	<b>338.406.788</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**20 . Phải trả dài hạn nội bộ**

**21 . Vay và nợ dài hạn**

**22 . Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

**23 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.551.196.244	(1.815.534.666)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.551.196.244	(1.815.534.666)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	2.200.000	2.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>705</b>	<b>(825,2)</b>

**24 . Nguồn kinh phí**

**25 . Tài sản thuế ngoài**

**VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh**

**26 . Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hoạt động tư vấn	119.636.363	292.636.000
Doanh thu khác	23.951.514	323.233
<b>Cộng</b>	<b>143.587.877</b>	<b>292.959.233</b>

**27 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

**28 . Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần hoạt động tư vấn	119.636.363	292.636.000
Doanh thu thuần khác	23.951.514	323.233
<b>Cộng</b>	<b>143.587.877</b>	<b>292.959.233</b>

**29 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động tư vấn	181.326.160	179.285.455
<b>Cộng</b>	<b>181.326.160</b>	<b>179.285.455</b>

**30 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	-	10.637
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>10.637</b>

**31 . Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	1.140.674.615
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.140.674.615</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 Lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**32 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.551.196.244	(1.815.534.666)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(1.551.196.244)	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (lỗ lũy kế các năm trước)	(1.551.196.244)	-
Tổng thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	0,25
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**33 . Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>34.1. Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương	5.249.800.964	-	747.439.344	-
Phải thu khách hàng	17.750.000	-	53.350.000	-
Trả trước cho người bán	2.273.495.450	-	2.273.495.450	-
Phải thu khác	7.441.873.783	-	7.441.873.783	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	2.807.321.181	(162.021.181)
<b>Cộng</b>	<b>14.982.920.197</b>	<b>-</b>	<b>13.323.479.758</b>	<b>(162.021.181)</b>
<b>34.2. Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ ngắn hạn			424.200.000	424.200.000
Phải trả người bán			26.842.729	21.660.000
Người mua trả tiền trước			97.500.000	-
Chi phí phải trả			-	-
Phải trả khác			458.756.788	338.406.788
Vay và nợ dài hạn			-	-
<b>Cộng</b>			<b>1.007.299.517</b>	<b>784.266.788</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**35. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay

CHỈ TIÊU	Tư vấn tài chính	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	119.636.363	23.951.514	143.587.877
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>119.636.363</b>	<b>23.951.514</b>	<b>143.587.877</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(61.689.797)	23.951.514	(37.738.283)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			485.328.847
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(523.067.130)
Doanh thu hoạt động tài chính			-
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			2.100.824.554
Chi phí khác			26.561.180
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>1.551.196.244</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>			<b>-</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>			<b>-</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Năm trước

CHỈ TIÊU	Tư vấn tài chính	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	292.636.000	323.233	292.959.233
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>292.636.000</b>	<b>323.233</b>	<b>292.959.233</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	113.350.545	-	113.350.545
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			797.302.413
Doanh thu hoạt động tài chính			(683.951.868)
Chi phí tài chính			10.637
Thu nhập khác			1.140.674.615
Chi phí khác			21.655.711
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.897.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>(1.815.857.899)</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ( trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)			-

Đơn vị tính: VND

1/A/A/KẾ TÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU	Tư vấn tài chính	Khác	TỔNG CỘNG
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.402.791.131	-	16.402.791.131
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>			<b>16.402.791.131</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.103.807.870	-	1.103.807.870
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>1.103.807.870</b>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	14.492.305.816	-	14.492.305.816
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>14.492.305.816</b>	-	<b>14.492.305.816</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	882.639.980	-	882.639.980
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>882.639.980</b>	-	<b>882.639.980</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HAMICO**

Địa chỉ: Số 15 lô B, KĐT M Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THỨ YẾU: THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Năm nay

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Hà Nội	Hưng Yên	Cao Bằng	Thành phố Hồ Chí Minh	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	41000000	50.000.000	13.636.363	15.000.000	23951514	143.587.877
Tài sản bộ phận	1.007.118.177	-	-	-	-	1.007.118.177
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-

Năm trước

Chỉ tiêu	Hà Nội	Hà Nam	Nam Định	Cao Bằng	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.000.000	50.000.000	50.000.000	23.636.000	10.323.233	292.959.233
Tài sản bộ phận	1.007.118.177	-	-	-	-	1.007.118.177
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	-	-	-	-	-

VII . Thông tin bổ sung cho các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

VIII . Những thông tin khác

1 . Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

*Thu nhập Ban Tổng Giám đốc*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc	47.241.000	38.520.000

2 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hamico đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Hoàng Kim Dung

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Kim Thoa

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Dũng

